

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 69/2020/HS-PT

Ngày 23-11-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 108/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Nông Thanh T1 và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L, Nông Văn T và Trịnh Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nông Thanh T1, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1990 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L (đã chết) và bà Nông Thị T; có vợ là Phan Thanh H, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 22-11-2019, tạm giam từ ngày 25-11-2019 đến ngày 27-3-2020 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Chu Thị L, sinh ngày 22 tháng 7 năm 1990 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn S và bà Trần Thị C; có chồng là Trịnh Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý

kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 24-11-2019, tạm giam từ ngày 25-11-2019 đến ngày 01-6-2020 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Nông Văn T, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1983 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Xuân H và bà Ngô Thị H; có vợ là Lộc Thị E và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 17-02-2020 đến nay; có mặt.

4. Trịnh Văn D, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1991 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Lành Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật; ngày 12-8-2015, bị Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Vận chuyển hàng hóa nhập lậu (đã được xóa); bị bắt để tạm giam từ ngày 02-6-2020 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Chu Thị L, Trịnh Văn D: Ông Bế Quang H và ông Trương Đức H – Luật sư Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Ngoài ra, còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03-2019, Nông Thanh T (sử dụng 02 số điện thoại: 0356642*** và 0339842***) đang đi đón 01 người khách tại đường mòn thuộc thôn Q, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì gặp Chu Thị L (khi đó Chu Thị L sử dụng số điện thoại 0965632***) đang cạo mủ thông tại đồi cây gần đó. Do là người dân sống tại khu vực biên giới, gia đình sở hữu đất đồi ngay gần với khu vực cột mốc biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc; qua trao đổi thấy việc đưa đón người xuất cảnh trái phép có thể kiếm được tiền nên Chu Thị L đặt vấn đề với Nông Thanh T nếu có khách xuất cảnh trái phép thì bảo, để Chu Thị L đưa đi, Nông Thanh T đồng ý. Hai bên cho nhau số điện thoại để liên lạc và thỏa thuận tiền công đưa, đón là 50.000 đồng/người. Khi Nông Thanh T có khách muốn xuất cảnh trái phép theo đường mòn thì đưa vào thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để Chu Thị L đón, đưa vào khu vực biên giới và chỉ đường để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Ngoài ra, Nông Thanh T trao đổi, thỏa thuận với Nông Thanh T1, Nông Văn T1 tiền công đưa, đón là 150.000 đồng/người, còn Nông Văn T thì Nông Thanh T không trao đổi số tiền công cụ thể, khi nào có khách Nông Thanh T gọi thì Nông Văn T đưa đi và trả công tùy theo từng chuyến. Đối với Trịnh Văn D là em trai chồng của Chu Thị L, khi có khách xuất cảnh trái phép do Nông Thanh T bố trí, sắp xếp đưa vào thì Chu Thị L sẽ gọi cùng ra để đón và đưa khách vào tập trung ở nhà Chu Thị L để Chu Thị L đưa đi xuất cảnh trái phép theo đường mòn. Khi nhận tiền công từ Nông Thanh T, Chu Thị L sẽ trả cho Trịnh Văn D tùy theo từng chuyến. Nông Thanh T đã cùng các bị cáo trong vụ án tổ chức 03 lần cho 54 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, cụ thể:

Lần 1: Ngày 18-11-2019, Nông Thanh T, Nông Thanh T1, Chu Thị L tổ chức cho 13 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Khoảng 7 giờ ngày 18-11-2019, khi Nông Thanh T đang đứng đón khách ở cổng bến xe phía B, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì thấy có 13 người đeo ba lô đi từ cổng bến xe ra, Nông Thanh T hỏi thì được nhóm này nói đang chuẩn bị đi Trung Quốc làm thuê theo đường C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nông Thanh T đặt vấn đề đưa họ đi theo đường đó với giá 200.000 đồng/người, tất cả đều đồng ý. Sau đó, Nông Thanh T gọi điện cho Nông Thanh T1 bảo đến đón và đưa khách vào giao cho Chu Thị L. Nông Thanh T1 đồng ý và đi thuê xe Suzuki 7 chỗ, biển kiểm soát 12A - 014.** của Ngô Sơn H, với giá 500.000 đồng. Nông Thanh T1 chia làm 2 lượt, lần lượt chở 13 khách vào cổng trường Mầm non C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giao cho Chu Thị L. Sau đó, Chu Thị L đưa khách đến gần biên giới để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Nông Thanh T thu của 13 khách, mỗi khách 200.000 đồng, tổng cộng được 2.600.000 đồng, Nông Thanh T trả cho Chu Thị L 1.000.000 đồng (thông qua mẹ chồng Chu Thị L là bà Nguyễn Thị T), trả cho Nông Thanh T1 1.600.000 đồng, trong đó Nông Thanh T1 trả tiền thuê xe cho Ngô Sơn H 500.000 đồng, đổ xăng 200.000 đồng, còn được hưởng lợi 900.000 đồng.

Lần 2: Ngày 21-11-2019, Nông Thanh T, Nông Thanh T1, Nông Văn T, Nông Văn T, Chu Thị L và Trịnh Văn D tổ chức cho 21 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Ngày 20-11-2019, có 21 người dân trú tại thôn N và N1, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đi 02 xe ô tô khách từ tỉnh Bắc Kạn đến Lạng Sơn để xuất cảnh sang Trung Quốc làm thuê, bao gồm: Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C, Triệu Hữu , Bàn Thị P, Phùng Thị M, Triệu Thị P, Hoàng Văn C1, Triệu Mùi K, Lý Văn K, Đặng Thị V, Hoàng Văn H, Triệu Thị L, Hoàng Thị C, Đặng Thị K, Bàn Phúc V, Triệu Thị P, Bàn Thị N, Hoàng Văn T, Hoàng Văn L, Bàn Thị C, Bàn Thị N1. Sau khi đến thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, 21 người này đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lạng Sơn làm thủ tục xin cấp giấy thông hành xuất nhập cảnh để sang Trung Quốc làm thuê. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, 18 người nhận được sổ thông hành, còn lại 03 người đến sáng hôm sau mới được cấp sổ. Sau đó, 18 người đã nhận được sổ thông hành đi xe khách từ thành phố L, tỉnh Lạng Sơn lên thuê phòng nghỉ tại nhà trọ đối diện cổng Đền

M, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (hiện nay không nhớ tên nhà trọ), còn 3 người chưa nhận sổ ở lại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để chờ lấy sổ thông hành.

Sáng ngày 21-11-2019, ba người còn lại nhận được sổ thông hành và lên thẳng cửa khẩu H, 18 người thuê trọ ở thị trấn Đ để hành lý ở lại phòng trọ rồi đi xe khách lên cửa khẩu H. Tại đây, 21 người cùng nhau chờ làm thủ tục xuất cảnh; do số lượng người xuất cảnh quá đông nên đến hơn 12 giờ cùng ngày, 21 người này vẫn chưa làm được thủ tục xuất cảnh. Trong khi 21 người đang đứng chờ, có một người đàn ông khoảng 40 tuổi và một người phụ nữ khoảng hơn 30 tuổi, mặc áo màu vàng chanh (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) đến gặp. Người phụ nữ đặt vấn đề với 21 người về việc không làm thủ tục xuất cảnh nữa mà xuất cảnh trái phép qua đường mòn, sang chặt mía bên xưởng của vợ chồng họ tại Trung Quốc, mỗi bó mía được trả khoảng 2,3 Nhân dân tệ. Người phụ nữ này nói sẽ ứng trước cho họ tiền công đưa đón, sau đó sẽ trừ vào tiền công chặt mía của từng người, 21 người đồng ý và đi theo vợ chồng họ ra bãi xe Xuân Cương để đợi xe đến đón.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21-11-2019, Nông Thanh T đang ở nhà thì nhận được điện thoại từ số điện thoại lạ (hiện nay không nhớ số) của một người phụ nữ bảo Nông Thanh T lên cửa khẩu H để đón khách có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau khi nhận được điện thoại, Nông Thanh T đi xe máy lên cửa khẩu H và gọi điện thoại cho Nông Thanh T1 (số điện thoại 0399887***); gọi cho Nông Văn T1 (số điện thoại 0945041***) và gọi cho Nông Văn T (số điện thoại 0845154*** và số 0334456***) bảo họ lên cửa khẩu H đón khách (Nông Thanh T không nói rõ số lượng khách cụ thể).

Sau khi nhận điện thoại, Nông Thanh T1 nói với Nông Thanh T là phải thuê xe nên không lên H đón mà chờ tại quán cơm "Chị H" tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, Nông Thanh T1 gọi điện cho Lỗ Khánh Toàn để thuê xe nhãn hiệu Innova, biển kiểm soát 12A-029.82.

Khoảng 13 giờ ngày 21-11-2019, Nông Văn T1 đi xe ô tô nhãn hiệu Suzuki 7 chỗ, biển kiểm soát 12A- 022.** từ nhà ra bãi xe X. Tại đây, Nông Thanh T gọi điện cho số điện thoại đã gọi trước đó thì được biết họ đang ở trong khu vực cửa khẩu H đi ra. Nông Thanh T cho Nông Văn T1 số điện thoại của người phụ nữ trên để gọi đón khách và dẫn đưa khách đến tập trung tại quán cơm "Chị H". Sau đó Nông Văn T1 chờ những người xuất cảnh đến vị trí đối diện bãi xe X để gặp Nông Thanh T. Tại đây, Nông Thanh T trao đổi với người phụ nữ này về việc sẽ đưa khách sang Trung Quốc theo đường mòn tại khu vực cửa khẩu C với tiền công là 250.000 đồng/người, người phụ nữ đồng ý. Nông Thanh T cho 06 khách lên xe của Nông Văn T1, gồm Triệu Thị P, Bàn Phúc V, Bàn Thị N, Hoàng Thị C, Bàn Thị C và Hoàng Văn T và dẫn đưa 06 người trên đến nhà trọ tại cổng Đền M để lấy hành lý. Do số lượng hành lý quá nhiều nên Nông Văn T1 bảo 04 khách đứng chờ và gửi tin nhắn cho Nông Văn T để đón, còn Nông Văn T1 đưa 02 người là Hoàng Văn T, Bàn Phúc V và toàn bộ hành lý của cả đoàn đến quán cơm "Chị H". Sau đó, Nông Văn T1 quay lại cửa khẩu H đón 06 người trong đó có Hoàng Văn C1, Hoàng Văn L và 04

người khách trong đoàn (hiện nay không nhớ rõ) và cũng đưa về tập trung tại quán cơm "Chị H". Còn Nông Thanh T đi xe máy chờ theo người phụ nữ đã thuê Nông Thanh T đưa người xuất cảnh đi sau.

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 21-11-2019, Nông Văn T đi xe Ford Everest 7 chỗ, biển kiểm soát: 12A - 122.** đến bãi xe X gần cửa khẩu H để đón 07 người lên xe bao gồm Bàn Thị P, Triệu Hữu P và 05 người khác trong đoàn (hiện nay không nhớ rõ). Nông Văn T đón họ và đưa đến quán cơm "Chị H". Sau đó, Nông Văn T quay lại cổng Đèn M để đón 04 khách đang đứng chờ tại cổng Đèn M gồm Triệu Thị P, Bàn Thị N, Hoàng Thị C, Bàn Thị C và tiếp tục đưa về quán cơm "Chị H".

Sau khi đưa được 21 người đến quán cơm "Chị H", Nông Thanh T gọi điện cho Chu Thị L báo sắp có khách vào, báo chuẩn bị ra đón. Nông Thanh T cho 07 người lên xe của Nông Thanh T1 rồi cho Nông Thanh T1 số điện thoại của Chu Thị L và dặn khi nào gần đến nơi thì gọi để Chu Thị L ra đón. Sau khi nghe điện thoại của Nông Thanh T, Chu Thị L gọi điện thoại cho Trịnh Văn D (Trịnh Văn D sử dụng số điện thoại 0342459***) để cùng ra đón và được Trịnh Văn D đồng ý.

Khi xe của Nông Thanh T1 đi được khoảng 10 phút, thì Nông Thanh T bảo 07 người lên xe của Nông Văn T1, Nông Văn Thịnh cũng cho Nông Văn T1 số điện thoại của Chu Thị L và dặn khi chờ khách vào đến cổng trường Mầm non C thì gọi cho Chu Thị L ra đón.

Khoảng hơn 15 giờ ngày 21-11-2019, sau khi Nông Thanh T1 và Nông Văn T1 đã đưa khách đi, người phụ nữ mặc áo vàng chanh bảo Nông Thanh T lên đón 2 người nữa ở cửa khẩu H (cùng đoàn 21 người khách Bắc Kạn). Nông Thanh T bảo Nông Văn T lên đón và cho Nông Văn T số điện thoại của người cần đón để liên lạc. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nông Văn T đi xe lên cửa khẩu H và đón được 02 người xuống đến quán cơm "Chị H". Lúc này, tại quán cơm "Chị H" còn có 07 khách.

Khoảng 16 giờ ngày 21-11-2019, xe của Nông Thanh T1 chở 07 người và xe của Nông Văn T1 chở 07 người đến cổng trường Mầm non C. Khi đến nơi, hai người này gọi cho Chu Thị L ra đón khách. Sau đó, Nông Thanh T1 quay chở lại quán cơm "Chị H" chở tiếp 04 khách, Nông Văn T chở 03 người đến cổng trường Mầm non C để giao cho Chu Thị L. Tại đây, 03 khách trên xe của Nông Văn T chuyển sang xe của Nông Thanh T1 chở vào gần nhà Chu Thị L. Khi đón được 21 khách do Nông Thanh T1, Nông Văn T1, Nông Văn T chở đến thì Chu Thị L điều khiển xe mô tô chở 20 người, còn Trịnh Văn D chở 01 người đến tập trung tại nhà Chu Thị L. Sau đó, Chu Thị L đưa 21 người đi theo đường mòn đến gần biên giới rồi chỉ đường cho họ để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, dặn họ cứ đi qua sẽ có người đón.

Tại quán cơm "Chị H", người phụ nữ thuê Nông Thanh T đưa người xuất cảnh trái phép đã trả tiền công cho Nông Thanh T số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền này, Nông Thanh T trả cho Nông Thanh T1 1.000.000 đồng (Nông Thanh T1 đã trả cho Lỗ Khánh T 800.000 đồng tiền thuê xe theo hợp đồng,

Nông Thanh T1 còn được hưởng lợi 200.000 đồng); trả cho Nông Văn T 700.000 đồng; trả cho Nông Văn T1 700.000 đồng; trả cho Chu Thị L 1.000.000 đồng. Sau đó, Chu Thị L trả cho xe ôm 50.000 đồng và trả cho Trịnh Văn D 500.000 đồng, số tiền Chu Thị L được hưởng là 450.000 đồng; số tiền còn lại Nông Thanh T được hưởng lợi là 600.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22-11-2019, Lường Văn K, Nông Thanh T, Nông Thanh T1, Nông Văn T, Chu Thị L, Trịnh Văn D đã tổ chức cho 20 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Khoảng tháng 02-2018, Lường Văn K sang Trung Quốc chặt mía thuê tại xưởng của ông chủ tên thường gọi A Tỷ có số điện thoại 613277774488, tiền lương khoảng 11.000.000 đồng/tháng. Lường Văn K làm tại Trung Quốc được khoảng 02 tháng thì về Việt Nam. Trước khi Lường Văn K về Việt Nam, A Tỷ dặn khi nào đến mùa chặt mía nếu A Tỷ gọi thì Lường Văn K rủ thêm người sang, Lường Văn K đồng ý.

Khoảng đầu tháng 11-2019, Lường Văn K liên lạc với A Tỷ và hỏi về việc sang chặt mía thuê, A Tỷ bảo cứ đưa người sang. Do trước đó đã quay về Việt Nam theo đường mòn, không cần giấy tờ nên lần này đi Trung Quốc, Lường Văn K muốn xuất cảnh trái phép theo đường mòn. Lường Văn K đã chủ động tìm xin được số của Nông Thanh T và gọi điện hỏi Nông Thanh T về việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Nông Thanh T bảo cứ lên Lạng Sơn thì liên lạc với Nông Thanh T. Sau khi thống nhất được với Nông Thanh T, Lường Văn K nói với anh em trong nhà và hàng xóm là sắp sang Trung Quốc và bảo nếu ai có nhu cầu đi thì liên lạc với Lường Văn K, đồng thời bảo mỗi người mang theo 1.000.000 đồng để tự chi trả tiền xe, tiền công đưa đón, khi nào đi Lường Văn K sẽ báo thời gian và địa điểm.

Ngày 16-11-2019, Lường Văn K gọi điện hỏi thì được A Tỷ cho biết cứ đưa người sang sẽ có việc làm. Ngày 18-11-2019, Lường Văn K tập hợp được 32 công dân tại các xã T, M, K, huyện T, tỉnh Lai Châu rồi gọi điện qua Zalo báo cho Nông Thanh T có 32 người đi, dự kiến vào ngày 21-11-2019. Nông Thanh T đồng ý và bảo cứ lên Lạng Sơn thì gọi Nông Thanh T. Lường Văn K hỏi tiền công đưa sang Trung Quốc và được Nông Thanh T báo là hơn 300.000 đồng/người.

Khoảng 14 giờ ngày 21-11-2019, Lường Văn K gọi điện thoại cho những người có nhu cầu đi sang Trung Quốc, hẹn họ 19 giờ có mặt ở ngã ba M, huyện T, tỉnh Lai Châu để đi. Trước đó, Lường Văn K đã gọi điện cho xe khách chuyên chạy tuyến Lai Châu - Hà Nội và hẹn họ đi qua ngã 3 Mường Kim để đón khách. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi những người đi Trung Quốc làm thuê lên xe, Lường Văn K đếm được 21 người bao gồm: Đèo Văn T, Lục Văn P, Lò Văn H, Lò Văn M, Hà Văn T, Vì Thị A, Lường Văn G, Lường Văn T, Đèo Văn X, Hà Văn L, Lò Thị D, Hà Văn T1, Lường Thị L, Hà Thị C, Hà Thị C1, Lò Thị V, Lường Văn T, Lò Thị T, Lò Văn T và 02 người nữa (chưa xác định được họ tên, địa chỉ). Quá trình đi xe từ Lai Châu xuống Hà Nội, Lường Văn K thu tiền xe của mỗi người 250.000 đồng để đưa cho chủ xe. Khi đó, chủ

xe đã bớt cho Lường Văn K một xuất tiền xe là 250.000 đồng do có công tập hợp số khách trên.

Khoảng 04 giờ ngày 22-11-2019, xe đến bến xe Mỹ Đình, Thành phố Hà Nội, Lường Văn K bảo mọi người xuống xe và di chuyển lên xe khách (trước đó Lường Văn K đã nhờ Nông Thanh T liên lạc xe này) để tiếp tục lên thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trên xe, Lường Văn K đã thu của 21 người trên mỗi người 100.000 đồng tiền xe và đưa cho nhà xe, nhà xe cũng bớt cho Lường Văn K 100.000 đồng tiền xe. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, Lường Văn K và 21 người trên đến thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Lường Văn K gọi điện và được Nông Thanh T hướng dẫn đi vào quán cơm "Chị H" ở gần bến xe Phía Bắc, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để ăn sáng, nghỉ ngơi. Khoảng 10 phút sau, Nông Thanh T đến và bảo Lường Văn K thu tiền của mỗi người là 310.000 đồng là tiền xe để đi vào khu vực biên giới và xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lường Văn K thu được 6.510.000 đồng. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, Lường Văn K gọi điện báo cho A Tỷ biết đã đến Lạng Sơn và đưa điện thoại cho Nông Thanh T nói chuyện với A Tỷ, Nông Thanh T báo lại cho Lường Văn K bên Trung Quốc có người và xe đón rồi.

Khoảng 08 giờ ngày 22-11-2019, Nông Thanh T gọi điện cho Nông Thanh T1 và Nông Văn T bảo đến quán cơm "Chị H" đón khách đưa vào C để giao cho Chu Thị L đưa khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, Nông Thanh T1 thuê xe ô tô nhãn hiệu Innova, biển kiểm soát 12A- 029.** của anh Nông Khánh T rồi điều khiển xe đến quán cơm "Chị H" để đón 08 người vào C giao cho Chu Thị L. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Nông Văn T lái xe ô tô Ford Everest 7 chỗ, biển kiểm soát 12A - 122.** đến quán cơm "Chị H" rồi chờ 07 người vào C để giao cho Chu Thị L, còn Lường Văn K và 06 người nữa ngồi lại ở quán cơm chờ xe.

Khoảng 10 giờ ngày 22-11-2019, khi xe của Nông Thanh T1 chở 08 người đi đến khu vực thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì bị bắt giữ. Nông Thanh T1 gọi điện thoại báo cho Nông Thanh T và Nông Văn T biết. Nông Thanh T nghe điện thoại xong thì báo, dặn Lường Văn K và mọi người tiếp tục ngồi ở quán chờ, sẽ có xe đến đón đưa đi. Sau đó, Nông Thanh T rời khỏi quán cơm; có 02 người trong nhóm khách đang ngồi chờ ở quán cơm "Chị H" khi biết xe chở những người đi trước bị bắt giữ đã quyết định không đi nữa mà đi xe khách về Lai Châu. Lường Văn K đã trả lại số tiền buổi sáng Lường Văn K đã thu của họ, cụ thể trả cho mỗi người 310.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22-11-2019, sau khi biết tin xe của Nông Thanh T1 đi trước đã bị bắt, Nông Văn T đi xe đến khu vực thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì dừng lại và gọi điện báo Chu Thị L ra kiểm tra xem có Công an không. Chu Thị L đã ra khu vực chợ C kiểm tra, không thấy ai nên báo lại cho Nông Văn T. Do chưa tin tưởng nên Nông Văn T lại tự mình tự lái xe đi kiểm tra lại. Sau khi kiểm tra, không thấy có lực lượng Công an, đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Nông Văn T đưa 07 người đến cổng trường Mầm non C, bảo họ xuống xe đợi và gọi điện cho Chu Thị L ra đón, sau đó quay về thành phố L,

tỉnh Lạng Sơn. Sau khi nhận điện thoại của Nông Văn T, Chu Thị L gọi điện cho Trịnh Văn D cùng đi xe máy ra đón, Chu Thị L chở 02 chuyến 03 người, Trịnh Văn D chở 02 chuyến 04 người đến khu vực biên giới, cách đường biên khoảng 100m và hướng dẫn họ đi theo đường mòn sang Trung Quốc sẽ có người đón. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi về đến thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Nông Văn T gọi điện thì được Chu Thị L cho biết đã đưa được người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Nông Văn T quay về nhà và gặp Nông Thanh T đang ở nhà của mình. Trong lúc ở nhà Nông Văn T, Nông Thanh T gọi điện cho Chu Thị L báo vẫn còn một tốp khách nữa và bảo chuẩn bị để đón. Sau đó, Chu Thị L gọi điện cho Trịnh Văn D bảo chuẩn bị ra cổng trường Mầm non đón khách. Trịnh Văn D đồng ý và bảo khi nào có khách đến thì gọi để Trịnh Văn D ra đón.

Khoảng 19 giờ ngày 22-11-2019, Nông Thanh T gọi xe taxi đến quán cơm "Chị H" đón tốp của Lương Văn K đến gần nhà Nông Văn T để giao cho Nông Văn T. Sau đó, Nông Văn T đưa họ về nhà và lấy xe ô tô Ford Everest 7 chỗ, biển kiểm soát: 12A - 122.** chở họ vào khu vực cửa khẩu C giao cho Chu Thị L. Khi đến nơi, Nông Văn T bảo Lương Văn K đưa tiền công cho Nông Văn T là 3.410.000 đồng. Đó là tiền công đưa 11 người xuất cảnh trái phép, do trước đó Lương Văn K đã trao đổi và được Nông Thanh T đồng ý bớt cho Lương Văn K tiền công đưa đón là 310.000 đồng vì có công tập hợp người đi xuất cảnh trái phép. Sau khi nhận tiền, Nông Văn T bảo Lương Văn K và những người trên xe xuống trốn ở bụi cây gần đó.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Chu Thị L gọi Trịnh Văn D và 01 người đàn ông lái xe ôm (không biết tên và địa chỉ) ở gần đó sử dụng xe mô tô cùng chở người, cụ thể: Chu Thị L chở 01 người; Trịnh Văn D chở 02 người, người lái xe ôm chở 02 người, cùng đưa người vào khu vực biên giới. Khi gặp Chu Thị L ở cổng trường Mầm non C, Nông Văn T đưa cho Chu Thị L 1.000.000 đồng tiền công (của ngày hôm trước) theo lời Nông Thanh T dặn, sau đó quay về nhà ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn gặp và đưa cho Nông Thanh T đưa số tiền còn lại. Nông Thanh T trả cho Nông Văn T 700.000 đồng tiền công, Nông Văn T trả tiền taxi 200.000 đồng, còn được hưởng lợi 500.000 đồng, Nông Thanh T hưởng lợi 2.710.000 đồng. Tối hôm đó, Nông Thanh T ngủ lại ở nhà Nông Văn T. Ngày 24-11-2019, Nông Thanh T ra đầu thú.

Sau khi nhận tiền từ Nông Văn T, Chu Thị L đã gọi Lương Văn K và 04 người đi cùng ra khỏi bụi cây. Sau đó, đưa họ đến khu vực biên giới, đến gần đường biên thì chỉ đường cho họ và dặn cứ đi qua sẽ có người đón. Lần này Nông Thanh T1 và Chu Thị L chưa được trả công chở khách xuất cảnh trái phép. Ngày 24-11-2019, Chu Thị L ra đầu thú.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L, Nông Văn T và Trịnh Văn D phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình

sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Thanh T1 và bị cáo Chu Thị L, xử phạt bị cáo Nông Thanh T1 07 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Chu Thị L 08 năm tù. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn T, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trịnh Văn D, xử phạt bị cáo 05 năm tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt 03 bị cáo khác với mức hình phạt 03 năm đến 09 năm tù, tuyên về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L, Nông Văn T và Trịnh Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L, Nông Văn T và Trịnh Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Các bị cáo kháng cáo Bản án trong hạn luật định nên việc kháng cáo là hợp lệ. Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, đã xử phạt 08 năm tù đối với bị cáo Chu Thị L, 07 năm 06 tháng tù đối các bị cáo Nông Thanh T1 và Nông Văn T, 05 năm tù đối với bị cáo Trịnh Văn D là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nông Văn T không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L và gia đình bị cáo Trịnh Văn D xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ mới, cụ thể: bị cáo Nông Thanh T1 xuất trình thêm đơn xin trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện mẹ bị cáo đang bị bệnh, vợ đang mang thai, bị cáo là lao động chính trong gia đình và bị cáo đã ủng hộ đồng bào miền Trung 5.000.000 đồng. Bị cáo Chu Thị L và gia đình bị cáo Trịnh Văn D đều xuất trình thêm đơn xin xác nhận giảm nhẹ hình phạt (có xác nhận của chính quyền địa phương), Huy chương kháng chiến của ông Trịnh Văn Vị (ông nội của bị cáo Trịnh Văn D, ông nội của chồng bị cáo Chu Thị L), huy chương kháng chiến của ông Trịnh Hoài N (ông ngoại của bị cáo Trịnh Văn D, ông ngoại của chồng bị cáo Chu Thị L), Kỷ niệm chương và Giấy khen của bà Trịnh Thị T (mẹ đẻ của bị cáo Trịnh Văn D, mẹ chồng của bị cáo Chu Thị L). Bị cáo Chu Thị L và Trịnh Văn D đều đã thi hành xong số tiền án phí và số tiền bị truy thu theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo Chu Thị L có bố là ông Chu Văn S từng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, bị cáo Trịnh Văn D được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tặng thưởng Giấy khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L, Trịnh Văn D được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cần xem xét đối với từng bị cáo như sau: Bị cáo Nông Văn T không có tình tiết giảm nhẹ mới nên việc kháng cáo không có căn cứ; bị cáo Trịnh Văn D tuy có tình tiết mới nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức án đầu khung hình phạt, bị cáo không có đủ điều kiện để hưởng mức án dưới khung hình phạt; bị cáo Nông Thanh T1 có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, mức án 7 năm 6 tháng tù là phù hợp, 01 tình tiết giảm nhẹ mới không đủ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Chu Thị L có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ hình phạt nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Thanh T1, Nông Văn T, Trịnh Văn D; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Thị L, sửa án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chu Thị L. Sau khi vụ án bị phát giác, bị cáo Chu Thị L đến trình báo với cơ quan điều tra là trường hợp đầu thú, đã được quy định rõ tại điểm i khoản 1 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ý kiến của những người bào chữa cho bị cáo Chu Thị L: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ đầu thú là không chính xác, cần xác định lại là bị cáo tự thú vì khi bị cáo đến Cơ quan điều tra trình báo thì trước đó không có ai khai ra bị cáo phạm tội; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Chu Thị L đã nộp tiền khắc phục hậu quả; ông bà có Huân, Huy chương; bố đẻ của bị cáo là ông Chu Văn S từng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án từ 5 năm đến 6 năm tù.

Ý kiến của những người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn D: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả; ông bà có Huân, Huy chương; bị cáo Trịnh Văn D được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L tặng thưởng Giấy khen. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L, Nông Văn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trịnh Văn D phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện, đánh giá đúng vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo theo quy

định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo Chu Thị L, 07 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Nông Thanh T1 và Nông Văn T, 05 năm tù đối với bị cáo Trịnh Văn D là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nông Văn T không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L và gia đình bị cáo Trịnh Văn D xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ mới, cụ thể: bị cáo Nông Thanh T1 xuất trình thêm đơn xin trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện mẹ bị cáo đang bị bệnh, vợ đang mang thai, bị cáo là lao động chính trong gia đình và bị cáo đã ủng hộ đồng bào miền Trung 5.000.000 đồng. Bị cáo Chu Thị L và gia đình bị cáo Trịnh Văn D đều xuất trình thêm đơn xin xác nhận giảm nhẹ hình phạt (có xác nhận của chính quyền địa phương), Huy chương kháng chiến của ông Trịnh Văn V (ông nội của bị cáo Trịnh Văn D, ông nội của chồng bị cáo Chu Thị L), Huy chương kháng chiến của ông Trịnh Hoài N (ông ngoại của bị cáo Trịnh Văn D, ông ngoại của chồng bị cáo Chu Thị L), Kỷ niệm chương và Giấy khen của bà Trịnh Thị Thảo (mẹ đẻ của bị cáo Trịnh Văn D, mẹ chồng của bị cáo Chu Thị L). Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Chu Thị L và bị cáo Trịnh Văn D đều đã thi hành xong số tiền án phí và truy thu theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh mà các bị cáo Nông Thanh T1, Chu Thị L và Trịnh Văn D được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo Chu Thị L có bố là ông Chu Văn S từng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, bị cáo Trịnh Văn D được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn tặng thưởng Giấy khen. Đây cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh mà các bị cáo Chu Thị L và Trịnh Văn D được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Cần xem xét đối với từng bị cáo như sau: Đối với bị cáo Nông Văn T không có tình tiết giảm nhẹ mới nên việc kháng cáo không có căn cứ; đối với bị cáo Trịnh Văn D tuy có tình tiết mới nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức án đầu khung hình phạt, bị cáo không có đủ điều kiện để hưởng mức án dưới khung hình phạt; đối với bị cáo Nông Thanh T1 có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, mức án 7 năm 6 tháng tù là phù hợp, 01 tình tiết giảm nhẹ mới không đủ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đối với bị cáo Chu Thị L có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ phần nào hình phạt nhưng không thể thấp hơn hình phạt của bị cáo Nông Thanh T1.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nông Thanh T1, Nông Văn T, Trịnh Văn D; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Thị L, sửa án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chu Thị L.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Chu Thị L, Trịnh Văn D đã nộp tiền

để thi hành án nên cần xác nhận để đảm bảo thi hành án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ý kiến của những người bào chữa cho các bị cáo Chu Thị L, Trịnh Văn D không phù hợp với nhận định trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nông Thanh T1, Nông Văn T, Trịnh Văn D không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của bị cáo Chu Thị L được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nông Thanh T1, Nông Văn T và Trịnh Văn D; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của các bị cáo Nông Thanh T1, Nông Văn T, Trịnh Văn D, cụ thể như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Thanh T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 127 (một trăm hai mươi bảy) ngày (từ ngày 22-11-2019 đến ngày 27-3-2020).

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 17-02-2020.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trịnh Văn D 05 (năm) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 02-6-2020.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Chu Thị L; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 01-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của các bị cáo Chu Thị L, cụ thể như sau:

4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Chu Thị L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 191 (một trăm chín mươi một) ngày (từ ngày 24-11-2019 đến ngày 01-6-2020).

5. Xác nhận bị cáo Chu Thị L đã nộp 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn) để thi hành án theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0006410 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Xác nhận bị cáo Trịnh Văn D đã nộp 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) để thi hành án theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0006411 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nông Thanh T1, Nông Văn T, Trịnh Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Chu Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. L, tỉnh Lạng Sơn;
- CA H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiểm

